

Bản án số: 41/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21-3-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Tấn Dũng.
- Ông Nguyễn Tuấn Lam.

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Diệp Văn Hiếu Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2025, về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Phan Thị Thu E, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Lê Văn T, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt lần 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 01 năm 2025, trong quá trình tiến hành tố tụng, nguyên đơn, chị Phan Thị Thu E, trình bày: Vào năm 2001, sau thời gian tìm hiểu, chị và anh Lê Văn T đã đi đến hôn nhân (chung sống như vợ chồng), không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau, vợ chồng sống bên gia đình anh T. Thời gian đầu sống hạnh phúc, có 01 con chung tên Lê Văn T1, sinh ngày 30/11/2002. Đến năm 2012, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau, ly thân từ đó đến nay, không hàn gắn tình cảm được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung đã trưởng thành tự lập động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, bị đơn anh Lê Văn T đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định nhưng anh T vẫn không có mặt cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Phan Thị Thu E và anh Lê Văn T là vợ chồng. Về việc nuôi con và tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Phan Thị Thu E khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị Phan Thị Thu E có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của chị Thu E, theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã P thì chị Thu E và anh T chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn. Tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định... Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý... N, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng... Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...”*. Do đó, Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thu E và anh T.

[4] Về con chung, đã trưởng thành; Về tài sản chung, nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Thu E phải chịu 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp; chị Thu E đã nộp đủ tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phan Thị Thu E với anh Lê Văn T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị Thu E chịu 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0014531 ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, chị Thu E đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn, nếu có;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú